

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết 15: THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: HS nắm được các quy ước về thứ tự thực hiện phép tính
2. Kỹ năng: HS biết vận dụng các quy ước trên để tính đúng giá trị.
3. Thái độ: Rèn luyện cho học sinh tính cẩn thận, chính xác trong tính toán.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBDH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SBT, thước thẳng.
2. Chuẩn bị của trò: Vở ghi, SGK, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

HS₁: Viết kết quả mỗi phép tính sau dưới dạng một lũy thừa

a) $3^9 : 3^5 =$; b) $a^5 : a =$; c) $16^3 : 4^2 =$

Đáp án: a, 3^4 b, a^4 ($a \neq 0$) c, 16^2

HS₂: Tính kết quả dưới dạng một lũy thừa :

a) $10^8 : 10^2 = (10^6)$; b) $x^n : x^n = (x^0 = 1 \ (x \neq 0))$; $9^8 : 9^2 = (9^6)$

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Ôn tập về biểu thức GV: Cho HS đọc mục 1 Vậy em nào nhắc lại thế nào là một biểu thức? GV: Một số có thể coi là một biểu thức không? Vì sao? GV: Trong biểu thức có thể có các dấu ngoặc để làm gì? GV: Cho HS nêu chú ý	<u>1. Nhắc lại về biểu thức:</u> Các số được nối với nhau bởi dấu các phép tính làm thành một biểu thức VD: $5 - 3$; $15 \cdot 6$; 4^5 ; $60 - (13 - 2 - 4)$ là các biểu thức. * Chú ý : (SGK - 31)
<u>Hoạt động 2:</u> Tìm hiểu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức. GV: Có mấy loại biểu thức? Đó là những biểu thức nào? GV: Đưa ra ví dụ 1	<u>2. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức :</u> a) <i>Đối với biểu thức không có dấu ngoặc :</i> Ví dụ 1 : a) $48 - 32 + 8 = 16 + 8 = 24$

a) $48 - 32 + 8 = ?$

b) $60 : 2 \cdot 5 = ?$

GV: Các em thực hiện thứ tự các phép tính trên như thế nào? Thực hiện phép nào trước phép nào sau?

GV: Đưa ra ví dụ 2: $4 \cdot 3^2 - 5 \cdot 6 = ?$

GV: Các em thực hiện các phép tính trên như thế nào?

GV: Nếu có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa ta làm thế nào? Thực hiện phép tính nào trước, phép nào sau?

GV: Với biểu thức chứa dấu ngoặc thì ta thực hiện như thế nào?

GV: Đưa ra ví dụ

a) $100 : \{2 [52 - (35 - 8)]\}$

b) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$

GV: Các em thực hiện phép tính như thế nào ?

GV: Đối với biểu thức có dấu ngoặc ta làm thế nào? Ta thực hiện phép tính trong ngoặc nào trước, ngoặc nào sau?

Hoạt động 3: Hoạt động nhóm thực hiện **?1** và **?2**

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán

GV: Cho HS đại diện nhóm lên bảng trình bày

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh

GV: Cho HS nêu ghi nhớ của bài.

2 HS đọc ghi nhớ

b) $60 : 2 \cdot 5 = 30 \cdot 5 = 150$

– Thực hiện các phép tính từ trái sang phải

Ví dụ 2 :

$$4 \cdot 3^2 - 5 \cdot 6 = 4 \cdot 9 - 5 \cdot 6 \\ = 36 - 30 = 6$$

– Thực hiện tính nâng lên lũy thừa trước rồi đến nhân, chia, cuối cùng đến cộng và trừ.

b) Đối với biểu thức có dấu ngoặc:

Ví dụ :

a) $100 : \{2 [52 - (35 - 8)]\}$

$$= 100 : \{2 \cdot 25\}$$

$$= 100 : 50 = 2$$

b) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$

$$= 80 - [130 - 8^2]$$

$$= 80 - [130 - 64]$$

$$= 80 - 66 = 14$$

?1 Tính:

a) $6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2$

$$= 36 : 4 + 2 \cdot 25 = 9 + 50 = 59$$

b) $2 \cdot (5 \cdot 4^2 - 18)$

$$= 2 \cdot (5 \cdot 16 - 18) = 2 \cdot (80 - 18)$$

$$= 2 \cdot 62 = 124$$

?2 Tìm số tự nhiên x, biết:

a) $(6x - 39) : 3 = 201$

$$6x - 39 = 201 \cdot 3 = 603$$

$$6x = 603 + 39 = 642$$

$$x = 642 : 6 = 107$$

b) $23 + 3x = 5^6 : 5^3$

$$23 + 3x = 5^3 = 125$$

$$3x = 125 - 23 = 102$$

$$x = 102 : 3 = 34$$

	Tóm lại : 1. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc : Lũy thừa $\rightarrow$ nhân và chia $\rightarrow$ cộng và trừ. 2. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.
--	--

4. Củng cố -Luyện tập:

- GV nhấn mạnh lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.
- Học sinh làm bài tập 73 SGK

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 74, 75, 77, 78 trang 32 – 33 SGK.
- Học phần đóng khung SGK .
- Đem theo máy tính bỏ túi trong tiết tới.
- Hướng dẫn HS làm bài tập:

Bài 74: Phần a, b, c: Tính giá trị của biểu thức trong ngoặc trước, rồi tìm x. Phần d, tính giá trị nhân 2 lũy thừa cùng cơ số.